

Công ước số 29
Lao động Cường bức, 1930

Công ước về Lao động Cường bức hoặc Bắt buộc

Lời nói đầu

Hội nghị Toàn thể của Tổ chức Lao động Quốc tế,

Được Hội đồng Quản trị của Văn phòng Lao động Quốc tế triệu tập tại Geneva ngày 10 tháng 6 năm 1930, trong kỳ họp thứ mười bốn,

Đã quyết định thông qua một số đề nghị về lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc, là vấn đề thuộc nội dung thứ nhất trong chương trình nghị sự kỳ họp, và

Đã quyết định rằng những đề nghị đó sẽ mang hình thức một Công ước quốc tế,

thông qua ngày 28 tháng 6 năm 1930 Công ước dưới đây, gọi là Công ước về Lao động Cường bức, để các Thành viên của Tổ chức Lao động Quốc tế phê chuẩn phù hợp với quy định của Hiến chương Tổ chức Lao động Quốc tế:

Điều 1

1. Mọi Thành viên của Tổ chức Lao động Quốc tế phê chuẩn Công ước này cam kết cấm việc sử dụng lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc dưới mọi hình thức, trong thời hạn ngắn nhất có thể đạt được.

2. Vì mục đích cấm triệt để này, lao động cưỡng bức hoặc

C029 - Forced Labour Convention, 1930

Convention concerning Forced or Compulsory Labour

Preamble

The General Conference of the International Labour Organisation,

Having been convened at Geneva by the Governing Body of the International Labour Office, and having met in its Fourteenth Session on 10 June 1930, and

Having decided upon the adoption of certain proposals with regard to forced or compulsory labour, which is included in the first item on the agenda of the Session, and

Having determined that these proposals shall take the form of an international Convention,

adopts this twenty-eighth day of June of the year one thousand nine hundred and thirty the following Convention, which may be cited as the Forced Labour Convention, 1930, for ratification by the Members of the International Labour Organisation in accordance with the provisions of the Constitution of the International Labour Organisation:

Article 1

1. Each Member of the International Labour Organisation which ratifies this Convention undertakes to suppress the use of forced or compulsory labour in all its forms within the shortest possible period.

2. With a view to this complete suppression, recourse

bắt buộc chỉ có thể được sử dụng trong giai đoạn chuyển tiếp, vào những mục đích công cộng và phải coi như một biện pháp đặc biệt, với những điều kiện và những bảo đảm quy định tại các điều sau đây của Công ước này.

3. Sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Công ước này bắt đầu có hiệu lực và khi chuẩn bị báo cáo theo quy định tại Điều 31 Công ước này, Hội đồng Quản trị của Văn phòng Lao động Quốc tế sẽ xem xét khả năng cấm lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc dưới mọi hình thức mà không gia hạn thêm thời gian chuyển tiếp và đề nghị đưa nội dung này vào chương trình nghị sự của Hội nghị.

Điều 2

1. Trong Công ước này, thuật ngữ “lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc” là mọi công việc hoặc dịch vụ mà một người bị ép buộc phải làm dưới sự đe dọa của một hình phạt nào đó và bản thân người đó không tự nguyện làm.

2. Tuy nhiên, trong Công ước này, thuật ngữ “lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc” không bao gồm:

a) mọi công việc hoặc dịch vụ buộc phải làm theo các đạo luật về nghĩa vụ quân sự bắt buộc đối với những công việc có tính chất quân sự thuần túy;

b) mọi công việc hoặc dịch vụ thuộc những nghĩa vụ công dân bình thường của các công dân trong một nước tự quản hoàn toàn;

c) mọi công việc hoặc dịch vụ mà một người buộc phải làm do một quyết định của tòa án, với điều kiện là công việc

to forced or compulsory labour may be had, during the transitional period, for public purposes only and as an exceptional measure, subject to the conditions and guarantees hereinafter provided.

3. At the expiration of a period of five years after the coming into force of this Convention, and when the Governing Body of the International Labour Office prepares the report provided for in Article 31 below, the said Governing Body shall consider the possibility of the suppression of forced or compulsory labour in all its forms without a further transitional period and the desirability of placing this question on the agenda of the Conference.

Article 2

1. For the purposes of this Convention the term “forced or compulsory labour” shall mean all work or service which is exacted from any person under the menace of any penalty and for which the said person has not offered himself voluntarily.

2. Nevertheless, for the purposes of this Convention, the term “forced or compulsory labour” shall not include:

(a) any work or service exacted in virtue of compulsory military service laws for work of a purely military character;

(b) any work or service which forms part of the normal civic obligations of the citizens of a fully self-governing country;

(c) any work or service exacted from any person as a consequence of a conviction in a court of law, provided that

hoặc dịch vụ đó phải được tiến hành dưới sự giám sát và kiểm tra của cơ quan công quyền, và người đó không được tuyển dụng và bị đặt dưới quyền sử dụng của cá nhân, công ty hoặc hiệp hội tư nhân;

d) mọi công việc hoặc dịch vụ buộc phải làm trong những trường hợp khẩn cấp, nghĩa là trong những trường hợp có chiến tranh, thiên tai hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai như hỏa hoạn, lũ lụt, đói kém, động đất, dịch bệnh nghiêm trọng của người hoặc của gia súc lây sang người, sự xâm hại của thú vật, côn trùng hoặc ký sinh trùng và nói chung là mọi tình thế gây nguy hiểm cho đời sống hoặc an sinh của toàn thể hoặc một phần dân cư;

e) những dịch vụ của thôn xã vì lợi ích trực tiếp của cộng đồng và do những thành viên của cộng đồng đó thực hiện, vì vậy có thể coi như những nghĩa vụ công dân bình thường của các thành viên cộng đồng, với điều kiện là những thành viên của cộng đồng đó hoặc những người đại diện trực tiếp của họ có quyền được tham khảo ý kiến về sự cần thiết của những dịch vụ ấy.

Điều 3

Trong Công ước này, thuật ngữ “cơ quan có thẩm quyền” là chỉ cơ quan chính quốc hoặc cơ quan trung ương cấp cao nhất của một lãnh thổ có liên quan.

Điều 4

1. Cơ quan có thẩm quyền không được áp đặt hoặc cho phép áp đặt lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc vì lợi ích của những cá nhân, công ty hoặc hiệp hội tư nhân.

the said work or service is carried out under the supervision and control of a public authority and that the said person is not hired to or placed at the disposal of private individuals, companies or associations;

(d) any work or service exacted in cases of emergency, that is to say, in the event of war or of a calamity or threatened calamity, such as fire, flood, famine, earthquake, violent epidemic or epizootic diseases, invasion by animal, insect or vegetable pests, and in general any circumstance that would endanger the existence or the well-being of the whole or part of the population;

(e) minor communal services of a kind which, being performed by the members of the community in the direct interest of the said community, can therefore be considered as normal civic obligations incumbent upon the members of the community, provided that the members of the community or their direct representatives shall have the right to be consulted in regard to the need for such services.

Article 3

For the purposes of this Convention the term “competent authority” shall mean either an authority of the metropolitan country or the highest central authority in the territory concerned.

Article 4

1. The competent authority shall not impose or permit the imposition of forced or compulsory labour for the benefit of private individuals, companies or associations.

2. Nếu lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc vì lợi ích của cá nhân, công ty hoặc hiệp hội tư nhân tồn tại vào thời điểm mà việc phê chuẩn Công ước này của một Thành viên được Tổng Giám đốc Văn phòng Lao động Quốc tế đăng ký thì Thành viên phải xóa bỏ hoàn toàn lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc đó, từ thời điểm Công ước này bắt đầu có hiệu lực đối với Thành viên đó.

Điều 5

1. Việc nhân nhượng cho cá nhân, công ty hoặc hiệp hội tư nhân không được liên quan đến bất cứ một hình thức lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc nào nhằm sản xuất hoặc thu gom những sản phẩm mà những cá nhân, công ty hoặc hiệp hội tư nhân ấy sử dụng hoặc buôn bán.

2. Khi những sự nhân nhượng hiện hành có những quy định liên quan đến lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc như thế, thì phải bãi bỏ những quy định đó càng sớm càng tốt, để tuân theo những quy định tại Điều 1 Công ước này.

Điều 6

Các cán bộ của chính quyền, kể cả khi phải khuyến khích cư dân mà mình phụ trách tham gia vào một hình thức lao động nào đó, đều không được ép buộc tập thể hoặc cá nhân người dân để bắt họ phải làm việc cho cá nhân, công ty hoặc hiệp hội tư nhân.

Điều 7

1. Những người đứng đầu không thực hiện chức năng hành chính thì không được sử dụng lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc.

2. Where such forced or compulsory labour for the benefit of private individuals, companies or associations exists at the date on which a Member's ratification of this Convention is registered by the Director-General of the International Labour Office, the Member shall completely suppress such forced or compulsory labour from the date on which this Convention comes into force for that Member.

Article 5

1. No concession granted to private individuals, companies or associations shall involve any form of forced or compulsory labour for the production or the collection of products which such private individuals, companies or associations utilise or in which they trade.

2. Where concessions exist containing provisions involving such forced or compulsory labour, such provisions shall be rescinded as soon as possible, in order to comply with Article 1 of this Convention.

Article 6

Officials of the administration, even when they have the duty of encouraging the populations under their charge to engage in some form of labour, shall not put constraint upon the said populations or upon any individual members thereof to work for private individuals, companies or associations.

Article 7

1. Chiefs who do not exercise administrative functions shall not have recourse to forced or compulsory labour.

2. Những người đứng đầu thực hiện chức năng hành chính, được cơ quan có thẩm quyền cho phép rõ ràng, thì có thể sử dụng lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc theo những quy định nêu tại Điều 10 Công ước này.

3. Những người đứng đầu được thừa nhận hợp lệ và không nhận được một sự đãi ngộ thích đáng bằng những hình thức khác thì có thể được hưởng những sự phục vụ cá nhân được quy định một cách đúng mức và mọi biện pháp hữu ích phải được sử dụng để phòng ngừa việc lạm dụng.

Điều 8

1. Trách nhiệm đối với mọi quyết định sử dụng lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc là thuộc về cơ quan dân sự cấp cao nhất của lãnh thổ có liên quan.

2. Tuy nhiên, cơ quan này có thể ủy quyền cho các cơ quan địa phương cấp cao nhất được quyền áp đặt việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc, mà không khiến người lao động phải xa rời nơi thường trú của họ. Trong những thời kỳ và điều kiện sẽ được ghi trong quy chế nêu tại Điều 23 Công ước này, cơ quan nói trên cũng có thể ủy quyền cho các cơ quan địa phương cấp cao nhất được áp đặt việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc khiến người lao động phải xa rời nơi thường trú của họ, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển của các cán bộ của chính quyền trong thời gian làm nhiệm vụ và để vận chuyển vật dụng của cơ quan chính quyền.

Điều 9

Trừ khi Điều 10 Công ước này có quy định khác, bất cứ cơ quan nào có quyền áp đặt việc lao động cưỡng bức hoặc bắt

2. Chiefs who exercise administrative functions may, with the express permission of the competent authority, have recourse to forced or compulsory labour, subject to the provisions of Article 10 of this Convention.

3. Chiefs who are duly recognised and who do not receive adequate remuneration in other forms may have the enjoyment of personal services, subject to due regulation and provided that all necessary measures are taken to prevent abuses.

Article 8

1. The responsibility for every decision to have recourse to forced or compulsory labour shall rest with the highest civil authority in the territory concerned.

2. Nevertheless, that authority may delegate powers to the highest local authorities to exact forced or compulsory labour which does not involve the removal of the workers from their place of habitual residence. That authority may also delegate, for such periods and subject to such conditions as may be laid down in the regulations provided for in Article 23 of this Convention, powers to the highest local authorities to exact forced or compulsory labour which involves the removal of the workers from their place of habitual residence for the purpose of facilitating the movement of officials of the administration, when on duty, and for the transport of Government stores.

Article 9

Except as otherwise provided for in Article 10 of this Convention, any authority competent to exact forced or

buộc, trước khi có quyết định sử dụng hình thức lao động này, sẽ phải tự chứng tỏ rằng:

a) công việc hoặc dịch vụ phải thực hiện là thuộc lợi ích trực tiếp và quan trọng đối với cộng đồng sẽ thực hiện nó;

b) công việc hoặc dịch vụ đó là một nhu cầu hiện tại hoặc chắc chắn sẽ xuất hiện;

c) không thể tìm được lao động tự nguyện để thực hiện công việc hoặc dịch vụ đó, mặc dù đưa ra mức tiền lương và điều kiện lao động ngang với tiền lương và điều kiện lao động đang áp dụng cho những công việc và dịch vụ tương tự trong vùng đó; và

d) công việc hoặc dịch vụ đó sẽ không thành một gánh quá nặng đối với dân số hiện tại, xét theo số lao động có sẵn và khả năng của họ để thực hiện việc đó.

Điều 10

1. Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc với tính chất thuế và lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc do những người đứng đầu thực hiện chức năng hành chính áp đặt để làm những công trình lợi ích công cộng, đều phải dần được bãi bỏ.

2. Trong lúc chờ đợi việc bãi bỏ này, khi dùng đến lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc với tính chất thuế và khi việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc do những người đứng đầu làm chức năng hành chính áp đặt để làm những công trình lợi ích công cộng, cơ quan có liên quan trước hết phải tự chứng tỏ rằng:

a) công việc hoặc dịch vụ phải thực hiện là thuộc lợi ích

compulsory labour shall, before deciding to have recourse to such labour, satisfy itself:

(a) that the work to be done or the service to be rendered is of important direct interest for the community called upon to do work or render the service;

(b) that the work or service is of present or imminent necessity;

(c) that it has been impossible to obtain voluntary labour for carrying out the work or rendering the service by the offer of rates of wages and conditions of labour not less favourable than those prevailing in the area concerned for similar work or service; and

(d) that the work or service will not lay too heavy a burden upon the present population, having regard to the labour available and its capacity to undertake the work.

Article 10

1. Forced or compulsory labour exacted as a tax and forced or compulsory labour to which recourse is had for the execution of public works by chiefs who exercise administrative functions shall be progressively abolished.

2. Meanwhile, where forced or compulsory labour is exacted as a tax, and where recourse is had to forced or compulsory labour for the execution of public works by chiefs who exercise administrative functions, the authority concerned shall first satisfy itself:

(a) that the work to be done or the service to be rendered is of important direct interest for the community called upon to

trực tiếp và quan trọng đối với cộng đồng sẽ thực hiện nó;

b) công việc hoặc dịch vụ đó là một nhu cầu hiện tại hay chắc chắn sẽ xuất hiện;

c) công việc hoặc dịch vụ đó sẽ không trở thành gánh quá nặng đối với số dân hiện tại, xét theo số lao động sẵn có và khả năng của họ để thực hiện việc đó;

d) công việc hoặc dịch vụ đó sẽ không buộc người lao động phải rời khỏi nơi thường trú của họ;

e) việc thực hiện công việc hoặc dịch vụ đó sẽ được chỉ đạo phù hợp những nhu cầu cấp bách của tôn giáo, của đời sống xã hội và của nông nghiệp.

Điều 11

1. Chỉ những nam giới trưởng thành và khỏe mạnh ở độ tuổi không dưới 18 và không quá 45 mới thuộc diện phải đi làm việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc. Trừ các loại công việc nêu tại Điều 10 Công ước này, phải tuân thủ những giới hạn và điều kiện sau đây:

a) trong mọi trường hợp có thể thực hiện được, cần có một thầy thuốc do cơ quan hành chính chỉ định, chứng nhận trước là đương sự không có mọi thứ bệnh truyền nhiễm và đủ sức khỏe để thực hiện được công việc và chịu đựng được những điều kiện thực hiện công việc;

b) miễn cho giáo viên và học sinh và cho cán bộ chính quyền nói chung;

c) giữ lại trong mỗi cộng đồng một số nam giới trưởng thành và khỏe mạnh cần thiết cho sinh hoạt gia đình và xã hội;

do the work or render the service;

(b) that the work or the service is of present or imminent necessity;

(c) that the work or service will not lay too heavy a burden upon the present population, having regard to the labour available and its capacity to undertake the work;

(d) that the work or service will not entail the removal of the workers from their place of habitual residence;

(e) that the execution of the work or the rendering of the service will be directed in accordance with the exigencies of religion, social life and agriculture.

Article 11

1. Only adult able-bodied males who are of an apparent age of not less than 18 and not more than 45 years may be called upon for forced or compulsory labour. Except in respect of the kinds of labour provided for in Article 10 of this Convention, the following limitations and conditions shall apply:

(a) whenever possible prior determination by a medical officer appointed by the administration that the persons concerned are not suffering from any infectious or contagious disease and that they are physically fit for the work required and for the conditions under which it is to be carried out;

(b) exemption of school teachers and pupils and officials of the administration in general;

(c) the maintenance in each community of the number of adult able-bodied men indispensable for family and social life;

d) tôn trọng quan hệ vợ chồng và quan hệ gia đình.

2. Theo mục đích ở Điểm c Khoản trên đây, các quy định tại Điều 23 Công ước này sẽ ấn định tỷ lệ nam giới trưởng thành và khỏe mạnh trong số cư dân có thể được huy động vào việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc mỗi lần, miễn là trong bất cứ trường hợp nào, tỷ lệ đó cũng không được vượt quá 25%. Để xác định tỷ lệ này, cơ quan có thẩm quyền phải lưu ý đến mật độ dân số, tình hình phát triển về xã hội và thể chất của dân cư, thời kỳ trong năm và tình hình công việc mà các đương sự cần phải tiến hành tại địa phương nhân danh chính mình; nói chung là phải lưu ý tới những nhu cầu kinh tế và xã hội trong cuộc sống bình thường của cộng đồng đó.

Điều 12

1. Thời hạn tối đa mà một người nào đó có thể bị huy động đi làm mọi hình thức lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc không được vượt quá 60 ngày cho mỗi thời kỳ 12 tháng, bao gồm cả những ngày đi đường cần thiết để đi đến nơi làm việc và trở về.

2. Mỗi người bị huy động đi làm lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc được cấp một giấy chứng nhận, ghi rõ những thời gian mà mình đã hoàn thành lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc.

Điều 13

1. Giờ làm việc bình thường của mọi người bị huy động đi làm lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc cũng phải giống như giờ làm việc áp dụng cho lao động tự nguyện và nếu làm việc quá giờ làm việc bình thường thì phải được trả công như mức áp dụng cho giờ làm thêm của lao động tự nguyện.

(d) respect for conjugal and family ties.

2. For the purposes of subparagraph (c) of the preceding paragraph, the regulations provided for in Article 23 of this Convention shall fix the proportion of the resident adult able-bodied males who may be taken at any one time for forced or compulsory labour, provided always that this proportion shall in no case exceed 25 per cent. In fixing this proportion the competent authority shall take account of the density of the population, of its social and physical development, of the seasons, and of the work which must be done by the persons concerned on their own behalf in their locality, and, generally, shall have regard to the economic and social necessities of the normal life of the community concerned.

Article 12

1. The maximum period for which any person may be taken for forced or compulsory labour of all kinds in any one period of twelve months shall not exceed sixty days, including the time spent in going to and from the place of work.

2. Every person from whom forced or compulsory labour is exacted shall be furnished with a certificate indicating the periods of such labour which he has completed.

Article 13

1. The normal working hours of any person from whom forced or compulsory labour is exacted shall be the same as those prevailing in the case of voluntary labour, and the hours worked in excess of the normal working hours shall be remunerated at the rates prevailing in the case of overtime for voluntary labour.

2. Phải có một ngày nghỉ hàng tuần cho tất cả những người bị huy động vào bất cứ hình thức lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc nào và ngày đó phải càng trùng hợp càng tốt với ngày (nghỉ) được ấn định theo truyền thống hoặc theo tập quán của lãnh thổ hoặc vùng đó.

Điều 14

1. Trừ lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc được quy định tại Điều 10 Công ước này, lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc dưới mọi hình thức đều phải được trả công bằng tiền; mức trả không được thấp hơn mức hiện hành đối với cùng loại công việc trong vùng mà người lao động đã được sử dụng hoặc từ nơi mà người lao động được tuyển dụng, mức nào cao hơn thì áp dụng.

2. Trong trường hợp công việc do những người đứng đầu áp đặt khi thực hiện chức năng hành chính, việc trả công theo những điều kiện quy định tại khoản trên phải được đưa vào thực hiện càng sớm càng tốt.

3. Tiền lương phải được trả cho từng người lao động, chứ không trả cho người đứng đầu bộ lạc của họ hoặc bất kỳ cơ quan nào khác.

4. Những ngày đi đường để đến nơi làm việc và trở về phải được tính để trả lương như những ngày làm việc.

5. Điều này sẽ không ngăn cản việc cung cấp cho người lao động khẩu phần ăn thông thường như một phần tiền lương và khẩu phần ăn đó có giá trị ít nhất là tương đương với việc chi trả bằng tiền, nhưng không được khấu trừ bất kỳ một khoản nào vào tiền lương, dù là để trả tiền thuế, trả cho thực phẩm,

2. A weekly day of rest shall be granted to all persons from whom forced or compulsory labour of any kind is exacted and this day shall coincide as far as possible with the day fixed by tradition or custom in the territories or regions concerned.

Article 14

1. With the exception of the forced or compulsory labour provided for in Article 10 of this Convention, forced or compulsory labour of all kinds shall be remunerated in cash at rates not less than those prevailing for similar kinds of work either in the district in which the labour is employed or in the district from which the labour is recruited, whichever may be the higher.

2. In the case of labour to which recourse is had by chiefs in the exercise of their administrative functions, payment of wages in accordance with the provisions of the preceding paragraph shall be introduced as soon as possible.

3. The wages shall be paid to each worker individually and not to his tribal chief or to any other authority.

4. For the purpose of payment of wages the days spent in travelling to and from the place of work shall be counted as working days.

5. Nothing in this Article shall prevent ordinary rations being given as a part of wages, such rations to be at least equivalent in value to the money payment they are taken to represent, but deductions from wages shall not be made either for the payment of taxes or for special food, clothing or accommodation supplied to a worker for the purpose of

quần áo hay chỗ ở đặc biệt cho người lao động để họ duy trì khả năng tiếp tục công việc trong mọi điều kiện làm việc đặc biệt, hoặc là để trả cho việc cung cấp dụng cụ.

Điều 15

1. Mọi luật và quy định đang hoặc sẽ có hiệu lực trong lãnh thổ có liên quan về bồi thường tai nạn hoặc bệnh tật cho người lao động xảy ra trong quá trình sử dụng lao động và về bồi thường cho người phụ thuộc của người lao động bị tử vong hoặc mất khả năng lao động phải được áp dụng bình đẳng cho những người bị huy động đi làm lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc cũng như cho những người lao động tự nguyện.

2. Trong bất kỳ trường hợp nào, bất kỳ cơ quan nào mà sử dụng người lao động làm lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc cũng đều phải có nghĩa vụ bảo đảm cuộc sống cho người đó, nếu tai nạn hoặc bệnh tật xảy ra do công việc khiến người đó mất hoàn toàn hoặc một phần khả năng tự phục vụ cho nhu cầu của bản thân. Cơ quan này cũng phải có nghĩa vụ áp dụng những biện pháp để bảo đảm duy trì cuộc sống cho mọi người phụ thuộc thực sự của người lao động đó, khi người lao động đó mất khả năng lao động hoặc tử vong do công việc.

Điều 16

1. Trừ những trường hợp đặc biệt cần thiết, không được di chuyển những người bị huy động đi làm lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc đến những vùng mà điều kiện ăn uống và khí hậu khác xa với những điều kiện họ đã quen thuộc, đến nỗi có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe của họ.

2. Trong bất cứ trường hợp nào cũng không được phép di

maintaining him in a fit condition to carry on his work under the special conditions of any employment, or for the supply of tools.

Article 15

1. Any laws or regulations relating to workmen's compensation for accidents or sickness arising out of the employment of the worker and any laws or regulations providing compensation for the dependants of deceased or incapacitated workers which are or shall be in force in the territory concerned shall be equally applicable to persons from whom forced or compulsory labour is exacted and to voluntary workers.

2. In any case it shall be an obligation on any authority employing any worker on forced or compulsory labour to ensure the subsistence of any such worker who, by accident or sickness arising out of his employment, is rendered wholly or partially incapable of providing for himself, and to take measures to ensure the maintenance of any persons actually dependent upon such a worker in the event of his incapacity or decease arising out of his employment.

Article 16

1. Except in cases of special necessity, persons from whom forced or compulsory labour is exacted shall not be transferred to districts where the food and climate differ so considerably from those to which they have been accustomed as to endanger their health.

2. In no case shall the transfer of such workers be

chuyên người lao động như vậy, nếu những biện pháp cần thiết về vệ sinh và nơi ở cần để người lao động đó làm quen với điều kiện mới và để bảo vệ sức khỏe của họ không được áp dụng nghiêm ngặt.

3. Nếu không tránh được việc di chuyển như vậy thì phải áp dụng những biện pháp dựa theo ý kiến của cơ quan y tế có thẩm quyền để làm cho người lao động quen dần với những điều kiện ăn uống và khí hậu mới.

4. Trong những trường hợp người lao động phải đi làm thường xuyên một công việc mà họ chưa quen, thì phải áp dụng những biện pháp để đảm bảo họ quen dần với loại việc đó, nhất là về việc huấn luyện từng bước, về thời giờ làm việc, bố trí những đợt nghỉ xem kẽ, và cải thiện hoặc tăng thêm khẩu phần cần thiết.

Điều 17

Trước khi cho phép sử dụng lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc để làm các công việc xây dựng hoặc bảo dưỡng, buộc người lao động phải lưu trú lâu tại nơi làm việc, thì cơ quan có thẩm quyền phải tự chứng tỏ rằng:

1. Mọi biện pháp cần thiết phải được áp dụng để bảo đảm an toàn và sức khỏe cho người lao động, đảm bảo chăm sóc y tế cần thiết cho họ và đặc biệt là:

a) những người lao động đó được khám sức khỏe trước khi bắt đầu làm việc và được định kỳ khám lại trong thời hạn làm việc,

b) có đủ nhân viên y tế, phòng khám bệnh, trạm xá, bệnh viện và trang thiết bị cần thiết để đáp ứng mọi nhu cầu, và

permitted unless all measures relating to hygiene and accommodation which are necessary to adapt such workers to the conditions and to safeguard their health can be strictly applied.

3. When such transfer cannot be avoided, measures of gradual habituation to the new conditions of diet and of climate shall be adopted on competent medical advice.

4. In cases where such workers are required to perform regular work to which they are not accustomed, measures shall be taken to ensure their habituation to it, especially as regards progressive training, the hours of work and the provision of rest intervals, and any increase or amelioration of diet which may be necessary.

Article 17

Before permitting recourse to forced or compulsory labour for works of construction or maintenance which entail the workers remaining at the workplaces for considerable periods, the competent authority shall satisfy itself:

(1) that all necessary measures are taken to safeguard the health of the workers and to guarantee the necessary medical care, and, in particular, (a) that the workers are medically examined before commencing the work and at fixed intervals during the period of service, (b) that there is an adequate medical staff, provided with the dispensaries, infirmaries, hospitals and equipment necessary to meet all requirements, and (c) that the sanitary conditions of the workplaces, the supply of drinking water, food, fuel, and

c) điều kiện vệ sinh ở nơi làm việc, việc cung cấp nước uống, lương thực, nhiên liệu và dụng cụ nhà bếp và nếu cần, chỗ ở và áo quần đã được dự liệu thỏa đáng;

2. Đã bố trí cẩn thận việc bảo đảm cuộc sống cho gia đình người lao động, nhất là tạo điều kiện dễ dàng để họ gửi một phần tiền lương về cho gia đình một cách an toàn thể theo yêu cầu hoặc với sự đồng ý của người lao động;

3. Cơ quan hành chính phải chịu trách nhiệm và chi phí thực hiện hành trình đi đến nơi làm việc và trở về của người lao động và phải tạo điều kiện dễ dàng cho hành trình đó, bằng cách sử dụng tối đa mọi phương tiện vận tải sẵn có;

4. Trong trường hợp người lao động bị ốm đau, hoặc tai nạn dẫn tới mất khả năng lao động trong một thời gian nhất định, cơ quan hành chính sẽ chịu chi phí cho việc hồi hương của người lao động;

5. Khi hết thời hạn lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc, người lao động nào tự nguyện ở lại, thì được phép ở lại trong thời gian 2 năm mà không bị mất quyền được hồi hương miễn phí.

Điều 18

1. Việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc để vận chuyển người hoặc hàng hóa, ví dụ việc mang vác và chèo thuyền, phải được bãi bỏ trong thời hạn càng sớm càng tốt. Trong lúc chờ đợi sự bãi bỏ này, cơ quan có thẩm quyền phải ban hành các quy tắc để xác định:

a) chỉ dùng đến loại lao động này trong việc tạo điều kiện cho việc di chuyển vì công vụ của cán bộ của chính quyền,

cooking utensils, and, where necessary, of housing and clothing, are satisfactory;

(2) that definite arrangements are made to ensure the subsistence of the families of the workers, in particular by facilitating the remittance, by a safe method, of part of the wages to the family, at the request or with the consent of the workers;

(3) that the journeys of the workers to and from the workplaces are made at the expense and under the responsibility of the administration, which shall facilitate such journeys by making the fullest use of all available means of transport;

(4) that, in case of illness or accident causing incapacity to work of a certain duration, the worker is repatriated at the expense of the administration;

(5) that any worker who may wish to remain as a voluntary worker at the end of his period of forced or compulsory labour is permitted to do so without, for a period of two years, losing his right to repatriation free of expense to himself.

Article 18

1. Forced or compulsory labour for the transport of persons or goods, such as the labour of porters or boatmen, shall be abolished within the shortest possible period. Meanwhile the competent authority shall promulgate regulations determining, inter alia,

(a) that such labour shall only be employed for the purpose of facilitating the movement of officials of the

hoặc cho việc vận chuyển vật dụng của các cơ quan chính quyền hoặc cho việc vận chuyển những người khác không phải là cán bộ, trong trường hợp có nhu cầu cấp bách,

b) những người lao động được trưng dụng với mục đích nói trên phải được chứng nhận y tế là phù hợp về mặt sức khỏe khi có thể khám sức khỏe; trong trường hợp không khám sức khỏe được thì người sử dụng những người lao động này phải chịu trách nhiệm bảo đảm là những người lao động đó có đủ sức khỏe cần thiết và không bị bệnh truyền nhiễm,

c) trọng tải tối đa người lao động có thể mang vác,

d) chặng đường tối đa người lao động phải đi từ nhà đến nơi làm,

e) số ngày tối đa mỗi tháng, hoặc trong thời kỳ khác mà người lao động bị trưng dụng, trong đó bao gồm cả số ngày trở về, và

f) những người được phép huy động hình thức lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc này và mức độ họ được sử dụng hình thức đó.

2. Để xác định những mức tối đa nói trong các Điểm c, d, e Khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền phải lưu ý xem xét các nhân tố khác nhau, nhất là mức phát triển thể lực của cư dân nơi mà người lao động được tuyển dụng, tính chất của hành trình phải thực hiện và những điều kiện khí hậu.

3. Ngoài ra, cơ quan có thẩm quyền phải có những quy định để hành trình bình thường hàng ngày của những người lao

administration, when on duty, or for the transport of Government stores, or, in cases of very urgent necessity, the transport of persons other than officials,

(b) that the workers so employed shall be medically certified to be physically fit, where medical examination is possible, and that where such medical examination is not practicable the person employing such workers shall be held responsible for ensuring that they are physically fit and not suffering from any infectious or contagious disease,

(c) the maximum load which these workers may carry,

(d) the maximum distance from their homes to which they may be taken,

(e) the maximum number of days per month or other period for which they may be taken, including the days spent in returning to their homes, and

(f) the persons entitled to demand this form of forced or compulsory labour and the extent to which they are entitled to demand it.

2. In fixing the maxima referred to under (c), (d) and (e) in the foregoing paragraph, the competent authority shall have regard to all relevant factors, including the physical development of the population from which the workers are recruited, the nature of the country through which they must travel and the climatic conditions.

3. The competent authority shall further provide that the normal daily journey of such workers shall not exceed a distance corresponding to an average working day of eight

động này không vượt quá một đoạn đường tương ứng với một ngày làm việc trung bình 8 giờ và dĩ nhiên phải lưu ý xem xét không những trọng tải phải mang vác và đoạn đường phải đi, mà còn phải xem xét tình trạng đường sá, mùa trong năm và mọi nhân tố khác; nếu cần phải buộc người mang vác đi thêm giờ, thì những giờ đi thêm phải được trả công với mức cao hơn mức bình thường.

Điều 19

1. Cơ quan có thẩm quyền chỉ được cho phép sử dụng tới công việc canh tác bắt buộc với mục đích phòng ngừa nạn đói hoặc thiếu hụt thực phẩm và với điều kiện là những thực phẩm hoặc sản phẩm sẽ thu được vẫn phải thuộc quyền sở hữu của những cá nhân hoặc tập thể đã sản xuất ra chúng.

2. Khi việc sản xuất được tổ chức theo pháp luật và tập quán, trên cơ sở cộng đồng và khi những sản phẩm hoặc tiền lãi do bán những sản phẩm ấy đều vẫn thuộc quyền sở hữu của tập thể, thì Điều này không có tác dụng hủy bỏ nghĩa vụ của các thành viên tập thể phải làm công việc bắt buộc đó.

Điều 20

Luật về trừng phạt tập thể mà theo đó tập thể có thể bị trừng phạt vì những hành vi phạm tội của bất kỳ thành viên nào không được bao gồm quy định nhằm áp dụng việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc đối với tập thể như là một trong những phương pháp trừng phạt.

Điều 21

Không được sử dụng lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc vào những công việc làm dưới mặt đất trong các hầm mỏ.

hours, it being understood that account shall be taken not only of the weight to be carried and the distance to be covered, but also of the nature of the road, the season and all other relevant factors, and that, where hours of journey in excess of the normal daily journey are exacted, they shall be remunerated at rates higher than the normal rates.

Article 19

1. The competent authority shall only authorise recourse to compulsory cultivation as a method of precaution against famine or a deficiency of food supplies and always under the condition that the food or produce shall remain the property of the individuals or the community producing it.

2. Nothing in this Article shall be construed as abrogating the obligation on members of a community, where production is organised on a communal basis by virtue of law or custom and where the produce or any profit accruing from the sale thereof remain the property of the community, to perform the work demanded by the community by virtue of law or custom.

Article 20

Collective punishment laws under which a community may be punished for crimes committed by any of its members shall not contain provisions for forced or compulsory labour by the community as one of the methods of punishment.

Article 21

Forced or compulsory labour shall not be used for work underground in mines.

Điều 22

Trong các báo cáo hàng năm theo Điều 22 của Hiến chương Tổ chức Lao động Quốc tế mà các Thành viên phê chuẩn Công ước này cam kết gửi đến Văn phòng Lao động Quốc tế để tường trình những biện pháp mình đã áp dụng để thực hiện những quy định của Công ước này phải có những thông tin càng đầy đủ càng tốt về mức độ sử dụng lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc trong lãnh thổ đó, mục đích tiến hành những việc đó, tỷ lệ ốm đau và tử vong, thời giờ làm việc, phương pháp trả lương và mức lương; và mọi thông tin cần thiết khác.

Điều 23

1. Để những quy định của Công ước này có hiệu lực, cơ quan có thẩm quyền phải ban hành quy chế đầy đủ và chính xác về việc sử dụng lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc.

2. Quy chế này phải bao gồm những thể lệ cho phép những người bị huy động đi làm lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc, được trình bày với các cơ quan mọi khiếu nại có liên quan đến điều kiện lao động của họ và bảo đảm rằng những khiếu nại đó của họ được xem xét và được lưu ý.

Điều 24

Trong mọi trường hợp, các biện pháp phù hợp phải được áp dụng để bảo đảm thực hiện chặt chẽ những quy tắc về sử dụng lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc, bằng cách mở rộng quyền hạn thanh tra việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc cho mọi cơ quan thanh tra đã thành lập để giám sát lao động tự nguyện hoặc bằng cách sử dụng biện pháp thích hợp khác.

Article 22

The annual reports that Members which ratify this Convention agree to make to the International Labour Office, pursuant to the provisions of Article 22 of the Constitution of the International Labour Organisation, on the measures they have taken to give effect to the provisions of this Convention, shall contain as full information as possible, in respect of each territory concerned, regarding the extent to which recourse has been had to forced or compulsory labour in that territory, the purposes for which it has been employed, the sickness and death rates, hours of work, methods of payment of wages and rates of wages, and any other relevant information.

Article 23

1. To give effect to the provisions of this Convention the competent authority shall issue complete and precise regulations governing the use of forced or compulsory labour.

2. These regulations shall contain, inter alia, rules permitting any person from whom forced or compulsory labour is exacted to forward all complaints relative to the conditions of labour to the authorities and ensuring that such complaints will be examined and taken into consideration.

Article 24

Adequate measures shall in all cases be taken to ensure that the regulations governing the employment of forced or compulsory labour are strictly applied, either by extending the duties of any existing labour inspectorate which has been established for the inspection of voluntary labour to cover the inspection of forced or compulsory labour or in some other

Cũng phải áp dụng những biện pháp để làm cho những người bị huy động đi làm lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc được biết đến các quy tắc đó.

Điều 25

Hành vi huy động bất hợp pháp lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc sẽ phải bị áp dụng chế tài hình sự và mọi Thành viên phê chuẩn Công ước này có nghĩa vụ bảo đảm rằng những chế tài do pháp luật quy định có đủ hiệu lực thực sự và được áp dụng nghiêm ngặt.

Điều 26

1. Mọi Thành viên của Tổ chức Lao động Quốc tế phê chuẩn Công ước này cam kết sử dụng Công ước cho các lãnh thổ đặt dưới chủ quyền, quyền tài phán, quyền bảo hộ, quyền bá chủ, quyền ủy trị hoặc quyền nói chung của mình, trong phạm vi mà mình được quyền đảm nhiệm những nghĩa vụ có liên quan đến những vấn đề tài phán nội bộ. Tuy nhiên, nếu Thành viên nào muốn dựa vào những quy định tại Điều 35 của Hiến chương Tổ chức Lao động Quốc tế, thì kèm theo văn bản phê chuẩn của mình, phải có bản tuyên bố cho biết:

a) những lãnh thổ nào dự định sẽ áp dụng toàn bộ những quy định của Công ước này;

b) những lãnh thổ nào mình áp dụng những quy định của Công ước này với những sửa đổi và nội dung những sửa đổi đó là gì;

c) những lãnh thổ nào mình còn bảo lưu quyết định của mình.

appropriate manner. Measures shall also be taken to ensure that the regulations are brought to the knowledge of persons from whom such labour is exacted.

Article 25

The illegal exaction of forced or compulsory labour shall be punishable as a penal offence, and it shall be an obligation on any Member ratifying this Convention to ensure that the penalties imposed by law are really adequate and are strictly enforced.

Article 26

1. Each Member of the International Labour Organisation which ratifies this Convention undertakes to apply it to the territories placed under its sovereignty, jurisdiction, protection, suzerainty, tutelage or authority, so far as it has the right to accept obligations affecting matters of internal jurisdiction; provided that, if such Member may desire to take advantage of the provisions of article 35 of the Constitution of the International Labour Organisation, it shall append to its ratification a declaration stating:

(1) the territories to which it intends to apply the provisions of this Convention without modification;

(2) the territories to which it intends to apply the provisions of this Convention with modifications, together with details of the said modifications;

(3) the territories in respect of which it reserves its decision.

2. Tuyên bố nói trên sẽ được coi là một bộ phận không tách rời của văn bản phê chuẩn và đều có hiệu lực như nhau. Mọi Thành viên có bản tuyên bố như trên sẽ có quyền, bằng một bản tuyên bố mới, hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần những điều bảo lưu theo các Khoản b và c nói trên trong tuyên bố trước đây.

Các Điều từ 27 đến 33: Những quy định cuối cùng (xem Phụ lục I).

Lưu ý: Khoản 2 Điều 30 (Bãi ước) khác với quy định ở những Công ước khác về thời hạn 5 năm thay vì 10 năm:

“2. Mỗi Thành viên đã phê chuẩn Công ước này, trong vòng 01 năm sau khi kết thúc thời hạn 10 năm nói trong khoản trên mà không thực hiện quyền bãi ước quy định tại Điều này, thì sẽ bị ràng buộc trong một thời hạn 05 năm nữa rồi sau đó mới có thể bãi ước Công ước này mỗi khi kết thúc thời hạn 05 năm theo những điều kiện quy định tại Điều này.”

2. The aforesaid declaration shall be deemed to be an integral part of the ratification and shall have the force of ratification. It shall be open to any Member, by a subsequent declaration, to cancel in whole or in part the reservations made, in pursuance of the provisions of subparagraphs (2) and (3) of this Article, in the original declaration.

Article 27 – 33: Final provisions (see Annex I).

Note: Paragraph 2, Article 30 (Denunciation) is different from those of other Conventions with the duration of 5 years instead of 10 years:

“2. Each Member which has ratified this Convention and which does not, within the year following the expiration of the period of ten years mentioned in the preceding paragraph, exercise the right of denunciation provided for in this Article, will be bound for another period of five years and, thereafter, may denounce this Convention at the expiration of each period of five years under the terms provided for in this Article.”